TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HC-PT
Ngày 06 – 02 – 2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Phạm Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 630/2022/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2022 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2022/HC-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3029/2022/QĐ-PT ngày 20/12/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi Công T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khu phố 02, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 29/xA C, khu phố 7, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền ngày 03/12/2021, có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Thanh S – Phó Chủ tịch UBND thành phố P là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền số 220/UBND-NC ngày 13/01/2023, có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Văn P – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968;
Địa chỉ: Khu phố 02, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 29/7A C, khu phố 7, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền ngày 03/12/2021, có mặt)

3.2. Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện hợp pháp của UBND phường P: Ông Hồ Nhật Tr – Công chức Địa chính – Xây dựng phường là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền số 65/UBND ngày 17/01/2023, có mặt).

3.3. Ban Quản lý rừng phòng hộ H;

4. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận là người bị kiện.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Năm 1980, gia đình ông Bùi Công T khai hoang diện tích đất 14.962m^2 tọa lạc tại khu phố 5, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận và sản xuất nông nghiệp ổn định. Khi nhà nước quy hoạch dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT 706B theo Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của UBND tỉnh Bình Thuận thì đất gia đình ông T nằm trong quy hoạch đường ĐT 706B nhưng không được nhà nước ban hành quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Ngày 08/11/2013, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 903/QĐ-KPHQ buộc ông Bùi Công T khắc phục hậu quả (khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm) do đã có hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất với diện tích 14.962m^2 do nhà nước quản lý tại khu phố 5, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Phần đất ông T chiếm đã được UBND tỉnh Bình Thuận có Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 thu hồi giao quỹ đầu tư hạ tầng và phát triển quỹ đất (Nay là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận).

Ngày 29/4/2014, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 192/QĐ-CC cưỡng chế thi hành Quyết định số 903/QĐ-KPHQ ngày 08/11/2013 của Chủ tịch UBND thành phố P do ông Bùi Công T không thực hiện quyết định buộc khắc phục hậu quả.

Ông Bùi Công T có đơn khiếu nại đối với 02 quyết định nêu trên. Ngày 20/8/2014, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 504/QĐ- UBND giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Bùi Công T.

Ông Bùi Công T khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án hành chính và được Tòa án nhân dân thành phố P xét xử bằng Bản án hành chính số 03/2018/HC-ST ngày 30/10/2018, quyết định hủy Quyết định số 903/QĐ-KPHQ ngày 08/11/2013 của Chủ tịch UBND thành phố P về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 192/QĐ-CC ngày 29/4/2014 của Chủ tịch UBND thành phố P cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của Chủ tịch UBND thành phố P giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Bùi Công T.

Sau khi có Bản án hành chính số 03/2018/HC-ST, ông T có đơn yêu cầu UBND thành phố P giải quyết bồi thường, hỗ trợ tái định cư nhưng UBND thành phố P ban hành Công văn số 4178/UBND-TC ngày 19/6/2020 xác định không có cơ sở xem xét giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Bùi Công T.

Ông T làm đơn khiếu nại Công văn số 4178/UBND-TC ngày 19/6/2020 của UBND thành phố P thì Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 6046/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 giải quyết khiếu nại lần đầu không chấp nhận đơn của ông Bùi Công T.

Ông Bùi Công T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết:

- Hủy Công văn số 4178/UBND-TC ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc trả lời đơn của ông Bùi Công T, dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B phường P;

- Hủy Quyết định số 6046/QĐ UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Công T, trú tại khu phố 2, phường P, thành phố P (lần đầu);

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Hộ gia đình ông Bùi Công T với phần diện tích đất là 14.962 m^2 theo Bản án số 03/2018/HC-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Người bị kiện trình bày:

Ngày 02/8/2019, UBND phường P ban hành Công văn số 891/UBND xác định: Nguồn gốc đất của ông T trước đây thuộc đất lâm nghiệp, thuộc tiểu khu 216 là đối tượng rừng phòng hộ do BQL rừng phòng hộ P quản lý theo quy hoạch đất lâm nghiệp giai đoạn 2001 – 2007 tại Quyết định số 09/2001/QĐ- UBND ngày 12/02/2001 của UBND tỉnh Bình Thuận. Thời điểm sử dụng đất của ông T thì trong giai đoạn 2001-2007 không có hồ sơ nào chứng minh việc ông T có tác động, sử dụng trên phần diện tích 14.962m^2. Hộ ông T là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Ngày 27/12/2019, UBND phường P ban hành Công văn số 1577/UBND xác định: Nguồn gốc đất là do nhà nước quản lý. Thời điểm hình thành tài sản vật kiến trúc sau năm 2006. Nhà tạm dựng năm 2012 theo biên bản vi phạm hành chính ngày 21/12/2012. Hộ ông T là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Ngày 15/9/2020, UBND phường P có Công văn số 1064/UBND về việc xác nhận nguồn gốc diện tích đất 14.962m^2, tài sản gắn liền với đất của hộ ông Bùi Công T có nội dung như sau: Nguồn gốc đất do nhà nước quản lý theo Công văn số 291/BQL-HP ngày 04/10/2016 của Ban quản lý rừng phòng hộ H và Công văn số 151/BQLRPHPT-KT ngày 12/7/2012 của Ban quản lý rừng phòng hộ P thì phần diện tích nằm trong quy hoạch 03 loại rừng thuộc tiểu khu 216 trước đây trồng rừng năm 1998 và rừng hỗn giao năm 1999. Năm 2004, BQL rừng đã làm hồ sơ xin thanh lý giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh để ban hành Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006. Tài sản vật kiến trúc hình thành sau năm 2006. Không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003 thì ông T khiếu nại Công văn số 4178/UBND-TC ngày 19/6/2020 của UBND thành phố P về việc trả lời đơn của ông Bùi Công T và đề nghị UBND thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Bùi Công T thuộc Dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường 706B là sai. Việc UBND thành phố P ban hành Quyết định số 6046/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Công T, trú tại khu phố 2, phường P, thành phố P (lần đầu) là đúng quy định.

UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P không đồng ý Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P ban hành và yêu cầu của ông Bùi Công T về việc: Hủy Công văn số 4178/UBND-TC ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc trả lời đơn của ông Bùi Công T, dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B phường P; Hủy Quyết định số 6046/QĐ UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Công T, trú tại khu phố 2, phường P, thành phố P (lần đầu) và buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường liên quan diện tích đất 14.962m^2 tại phường P, thành phố P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường P trình bày:

Theo người đại diện của người khởi kiện trình bày thì nguồn gốc đất của ông Bùi Công T khai hoang năm 1980 là không có cơ sở xác định, bởi vì qua rà soát, đối chiếu trong hồ sơ lưu trữ, sổ mục kê, biên lai nộp thuế qua các thời kỳ tại địa phương thì ông Bùi Công T không kê khai đăng ký, không nộp thuế qua các thời kỳ và không sử dụng liên tục đối với thửa đất này. Nguyên thủy nguồn gốc đất trước đây chỉ toàn là đất mồ mả (theo người dân địa phương còn gọi là "Đạo Bà Hai"), hiện trạng trước đây chỉ toàn là những ngôi mộ.

Do đó, Ủy ban nhân dân phường P kết luận nguồn gốc đất đối với ông Bùi Công T là đất do Nhà nước quản lý căn cứ theo Công văn số 291/BQL-HP ngày 04/10/2006 và Công văn số 151/BQLRPHPT-KT ngày 12/7/2017 của Ban quản lý Rừng H thì phần diện tích nằm trong quy hoạch 03 loại rừng thuộc tiểu khu 216 có chồng lấn vào đất có trồng rừng keo lá tràm năm 1998 và rừng hỗn giao trồng năm 1999. Năm 2004, Ban Quản lý Rừng đã làm hồ sơ xin thanh lý giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, để trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006. Tài sản vật kiến trúc hình thành sau năm 2006.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân phường P bổ sung thêm về việc giám định tuổi cây, trong đó có 01 cây bạch đàn, cây này không phải do ông T trồng, chỉ là do cây mọc rải rác, nên việc giám định tuổi cây cũng chưa đảm bảo việc ông T sử dụng và trồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Quản lý rừng phòng hộ H trình bày:

Khi Ban Quản lý rừng phòng hộ H bàn giao diện tích đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận thì Ban Quản lý Rừng phòng hộ H có phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P tiến hành kiểm kê. Tuy nhiên không thể hiện bằng văn bản. Quá trình quản lý của Ban Quản lý Rừng phòng hộ H từ năm 2001-2007 không xảy ra tranh chấp và cũng không có tài liệu nào chứng minh có hộ dân vi phạm đất đai. Sau thời điểm này thì Ban Quản lý Rừng phòng hộ H mới nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân phường P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2022/HC-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, đã áp dụng: Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Công T về việc:

- Hủy Công văn số 4178/UBND-TC ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc trả lời đơn của ông Bùi Công T;

- Hủy Quyết định số 6046/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Công T, trú tại khu phố 2, phường P, thành phố P (lần đầu);

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân Thành phố P có làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm xét xử không thỏa đáng, đề nghị xét xử phúc thẩm lại theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận có quyết định kháng nghị, có nội dung: Thứ nhất: Diện tích 14.962m^2 mà ông T khiếu nại là đất do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận quản lý theo Quyết định 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận là Quyết định hành chính có liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND tỉnh Bình Thuận và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như chưa xem xét tính hợp pháp đối với Quyết định thu hồi đất số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Thứ hai: Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng chứng cứ trong Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HCST, ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P là không có căn cứ vì bản án này đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; và Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét giải quyết các mâu thuẫn về quá trình sử dụng đất của ông T để làm rõ bản chất nội dung vụ án. Thứ ba: Như nhận định ở hai phần trên trong khi vẫn tồn tại Quyết định thu hồi đất số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận là không thể thi hành án được. Đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng khoản 4 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính hủy Bản án sơ thẩm số: 32/2022/HC-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện.

Người bị kiện giữ nguyên kháng cáo và đề nghị hoãn phiên tòa lý do Tòa không triệu tập Trung tâm phát triển quỹ đất; đề nghị Hội đồng xét xử xác minh nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông T vì đất này trước đây là trường bắn của Công an tỉnh quản lý và đề nghị chấp nhận theo kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện nêu quan điểm: Về nguồn gốc đất là do hộ ông T lấn chiếm; cây trồng trên đất chỉ trồng từ năm 2002; mồ mã gia đình ông T chôn cất từ sau năm 2006. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về yêu cầu của người bị kiện về việc hoãn phiên tòa để xác minh nguồn gốc đất và cho người bị kiện cung cấp chứng cứ: Đề nghị không chấp nhận việc hoãn

phiên tòa vì phiên tòa đã mở lần thứ hai; hơn nữa vụ án Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý từ năm 2021 đến nay nhưng người bị kiện không cung cấp chứng cứ nên không cần thiết phải hoãn phiên tòa.

Về nội dung:

- Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST, ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận đã có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên việc Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng chứng cứ trong nhận định của bản án là có cơ sở nên việc kháng nghị này là không đúng và đề nghị rút lại phần kháng nghị này.

- Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận là quyết định hành chính có liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND tỉnh Bình Thuận và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như chưa xem xét tính hợp pháp đối với Quyết định thu hồi đất số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, hủy Bản án hành chính sơ thẩm số: 32/2022/HC-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận là người bị kiện làm Đơn kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận có Quyết định kháng nghị đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Luật Tố tụng Hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc đề nghị hoãn phiên tòa của người bị kiện: Người bị kiện đề nghị hoãn phiên tòa để cấp phúc thẩm xác minh nguồn gốc đất và cho người bị kiện cung cấp chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án từ năm 2021 đến nay, thậm chí người khởi kiện đã khởi kiện và được xét xử bằng Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HCST, ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận đã có hiệu lực pháp luật; nội dung bản án đã nhận định về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông T và từ đó đến nay người bị kiện không cung cấp chứng cứ, mặt khác phiên tòa phúc thẩm đã mở lần thứ hai nên không cần thiết phải hoãn phiên tòa.

[3] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Công T thì vụ án có quan hệ tranh chấp "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[4] Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST, ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận đã xét xử vụ án "Khởi kiện các Quyết định hành chính về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" giữa người khởi kiện là ông Bùi Công T và người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bản án này không bị kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực thi hành. Vì vậy những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án là những chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 của Luật Tố tụng Hành chính.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện:

[5.1] Người bị kiện kháng cáo cho rằng toàn bộ 14.962m^2 đất ông T khiếu nại là do Nhà nước quản lý thuộc đất lâm nghiệp, thuộc tiểu khu 216 là đối tượng rừng phòng hộ do Ban quản lý rừng phòng hộ P quản lý. Đến năm 2007 thì được điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng và được giao cho Quỹ đầu tư hạ tầng và phát triển quỹ đất, nay là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận quản lý theo Quyết định 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận. Quá trình quản lý thì không có hồ sơ nào chứng minh ông T có tác động, sử dụng trên phần diện tích 14.962m^2 trong giai đoạn 2001 – 2007 và tài sản xây dựng trên đất của ông T là sau năm 2006 tức là sau thời điểm có thu hồi đất tổng thể của dự án là Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận nên ông T không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

[5.2] Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST, ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận có nhận định tại phần [10]: Từ những phân tích đã nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng thửa đất có diện tích 14.962m^2 đất tại khu phố 5, phường P là đất do ông T khai hoang, canh tác từ trước năm 2002, không phải do ông T lấn chiếm từ năm 2010. Ông T đã sử dụng đất không tranh chấp với bất kỳ ai và cho đến trước năm 2013 ông chưa bị xử lý vi phạm hành chính về đất đai. Việc các cơ quan chức năng không xác minh làm rõ nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng đất của ông T, cho rằng ông T chiếm đất từ năm 2010 là không có căn cứ và chưa thỏa đáng.

[5.3] Như vậy, người bị kiện kháng cáo cho rằng nguồn gốc đất ông T sử dụng từ việc bao chiếm đất do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận quản lý theo Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận là chưa đủ cơ sở chứng minh.

Vì vậy kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Xét Kháng nghị số 16/QĐ-VKS-HC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[6.1] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh nhận định việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng chứng cứ trong Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST, ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Công T là không có căn cứ là không chính xác, vì Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST, ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận đã có hiệu lực pháp luật và việc sử dụng các chứng cứ trong bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật nên tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh rút lại một phần kháng nghị về vấn đề này.

Đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6.2] Đối với kháng nghị việc diện tích 14.962m^2 đất mà ông Bùi Công T khiếu nại là do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận quản lý theo Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận là quyết định hành chính có liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của Quyết định này cũng như không đưa UBND tỉnh Bình Thuận, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[6.2.1] Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận đã quyết định về việc thu hồi và giao đất cho Quỹ đầu tư hạ tầng và Phát triển quỹ đất Bình Thuận tại phường P, Hàm Tiến, xã Thiện Nghiệp, thành phố P. Trong đó tại Điều 1 thu hồi tại phường P 1.415.759m^2 trong đó đất nằm trong 3 loại rừng là 977.13m^2, gồm 249.852m^2 đất do UBND phường P quản lý; 522.989m^2 đất do Ban quản lý rừng phòng hộ P quản lý; 204.172m^2 đất do các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng. Đất nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng là 438.746m^2, gồm: 162.961m^2 đất do UBND phường P quản lý; 201.300m^2 đất do Ban quản lý rừng phòng hộ P quản lý; 74.485m^2 đất do các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng… Ngoài ra Quyết định còn quy định việc tổ chức phối hợp giữa UBND thành phố P và các Ban, ngành thuộc UBND tỉnh Bình Thuận trong việc tiến hành kiểm kê xác định tính pháp lý về việc sử dụng đất của từng hộ gia đình, cá nhân và thực hiện thủ tục giải tỏa, đền bù theo đúng quy định.

[6.2.2] Như vậy, Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận là quyết định tổng thể về việc thu hồi và giao đất cho các cơ quan hành chính quản lý cũng như các hộ dân đang sử dụng nên chưa làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cá nhân nào bị thu hồi đất, cụ thể ở đây là ông Bùi Công T. Mặt khác, ông Bùi Công T khởi kiện UBND thành phố P đối với Công văn 4178/UBND-TC ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc trả lời

đơn của ông Bùi Công T và Quyết định số 6046/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Công T, trú tại khu phố 2, phường P, thành phố P (lần đầu) nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận và không cần thiết đưa UBND tỉnh Bình Thuận, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận vào tham gia tố tụng là có căn cứ, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[6.3] Đối với kháng nghị việc phần đất ông T khiếu nại được UBND tỉnh Bình Thuận giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận quản lý, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T buộc UBND thành phố P thực hiện nhiệm vụ công vụ ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường đất cho ông T trong khi vẫn tồn tại Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận là không thể thi hành án được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Như đã phân tích trên Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Bình Thuận là quyết định tổng thể về việc thu hồi và giao đất cho các cơ quan hành chính quản lý cũng như các hộ dân đang sử dụng; quy định việc tổ chức phối hợp giữa UBND thành phố P và các Ban, ngành thuộc UBND tỉnh Bình Thuận trong việc tiến hành kiểm kê xác định tính pháp lý về việc sử dụng đất của từng hộ gia đình, cá nhân và thực hiện thủ tục giải tỏa, đền bù theo đúng quy định, nên chưa làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cá nhân nào bị thu hồi đất, cụ thể ở đây là ông Bùi Công T nên cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp và không ảnh hưởng đến Quyết định và yêu cầu khởi kiện của ông T.

[7] Từ những nhận định trên xét thấy: Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên kháng cáo không được chấp nhận. Kháng nghị số 16/QĐ-VKS-HC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận là chưa đủ cơ sở nên không chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Không chấp nhận Kháng nghị số 16/QĐ-VKS-HC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 32/2022/HC-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng: Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Công T về việc:

- Hủy Công văn số 4178/UBND-TC ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận về việc trả lời đơn của ông Bùi Công T;

- Hủy Quyết định số 6046/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Công T, trú tại khu phố 2, phường P, thành phố P (lần đầu);

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0008379 ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồ Tâm Tú